

LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **25** /CĐGD

Hoà Bình, ngày **12** tháng 3 năm 2021

V/v cấp trả nợ kinh phí hoạt động công đoàn
năm 2020 và cấp kinh phí lần 01 năm 2021

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn thu 2% kinh phí công đoàn và số kinh phí đã cấp cho các đơn vị trường học trực thuộc năm 2020;

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 10/3/2021,

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học một số nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo số kinh phí cấp thừa, thiếu và cấp trả nợ 1,0 kinh phí hoạt động công đoàn của năm 2020;

2. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo cấp kinh phí lần 1 năm 2021 theo số thực thu từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 10/3/2021.

Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo dõi, tổng hợp số kinh phí được cấp để đưa vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2021 ở mục 25 “kinh phí cấp trên cấp”.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CĐGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CỘNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO CẤP TRẢ NỢ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
NĂM 2020 VÀ CẤP KINH PHÍ LẦN 1 NĂM 2021

STT	Tên đơn vị	Số KPCĐ 2% các đơn vị nộp từ 01/01- 10/3/2021	Cấp trả nợ kinh phí năm 2020		Cấp KPCĐ lần 1 năm 2021	Tổng kinh phí cấp
			Cấp thừa	Cấp thiếu		
1	Trường THPT Cộng Hòa	15,431,000	555,890	0,000	7,870,000	7,314,110
2	Trường THPT Đại Đồng	1		4,810,800		4,810,800
3	Trường THPT Quyết Thắng	8,811,000	1,325,900		4,494,000	3,168,100
4	Trường THPT Lạc Sơn	20,364,400	135,820		10,386,000	10,250,180
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn			1,478,400		1,478,400
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	13,542,000		606,735	6,906,000	7,512,735
7	Trường THPT Thạch Yên	9,835,652	19,335		5,016,000	4,996,665
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	9,047,990	192,429		4,614,000	4,421,571
9	Trường THPT Cao Phong	11,493,390	481,369		5,862,000	5,380,631
10	Trường THPT Kỳ Sơn	17,637,600	368,952		8,995,000	8,626,048
11	Trường THPT Phú Cường	11,134,800		160,906	5,679,000	5,839,906
12	Trường THPT Lương Sơn	23,122,298		6,760,546	11,792,000	18,552,546
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	17,424,000	39,783		8,886,000	8,846,217
14	Trường THPT Cù Chính Lan			12,641,503		12,641,503
15	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	7,758,000	835,332		3,957,000	3,121,668
16	Trường THPT Lạc Thủy B	12,839,930		474,883	6,548,000	7,022,883
17	Trường THPT Lạc Thủy	11,314,800		692,376	5,771,000	6,463,376
18	Trường THPT Lạc Thủy C	7,357,593		10,977	3,752,000	3,762,977
19	Trường THPT Mai Châu	13,130,800		2,823,000	6,697,000	9,520,000
20	Trường THPT Mai Châu B	5,607,100		1,054,600	2,860,000	3,914,600
21	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	8,741,600	305,222		4,458,000	4,152,778
22	Trường PTDTNT THCS & THPT B huyện Mai Châu	6,957,000	281,180		3,548,000	3,266,820
23	Trường THPT Yên Thủy C	8,556,328		1,164,749	4,364,000	5,528,749
24	Trường THPT Yên Thủy A	22,230,804	365,745		11,338,000	10,972,255
25	Trường THPT Yên Thủy B	19,032,706		93,729	9,707,000	9,800,729
26	Trường THPT Thanh Hà	9,043,936	12,082		4,612,000	4,599,918
27	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy			5,637,112		5,637,112
28	Trường THPT 19/5	24,006,800	356,765		12,243,000	11,886,235
29	Trường THPT Kim Bôi	14,773,400		493,643	7,534,000	8,027,643
30	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	9,627,500	46,442		4,910,000	4,863,558
31	Trường THPT Sào Báy	9,963,800		307,888	5,082,000	5,389,888
32	Trường THPT Bắc Sơn	9,969,600	429,226		5,084,000	4,654,774
33	Trường THPT Mường Chiềng	6,487,000	530,076		3,308,000	2,777,924
34	Trường THPT Yên Hòa	4,882,000	728,160		2,490,000	1,761,840
35	Trường THPT Đà Bắc	12,316,000		566,360	6,281,000	6,847,360
36	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	2,623,000		147,400	1,338,000	1,485,400

37	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	12,041,000	424,610		6,141,000	5,716,390
38	Trường THPT Đoàn Kết	13,600,200		568,203	6,936,000	7,504,203
39	Trường THPT Tân Lạc	20,175,600		414,111	10,290,000	10,704,111
40	Trường THPT Mường Bi	17,841,500	70,482		9,099,000	9,028,518
41	Trường THPT Lũng Vân	5,229,800		2,565,801	2,667,000	5,232,801
42	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc	14,897,300	577,057		7,598,000	7,020,943
43	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	30,552,700	2,942,219		15,582,000	12,639,781
44	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	51,426,200	4,793,141		26,227,000	21,433,859
45	Trường THPT Công nghiệp	28,737,242	440,437		14,656,000	14,215,563
46	Trường THPT Lạc Long Quân	20,019,800		693,602	10,210,000	10,903,602
47	Trường THPT Ngô Quyền	12,240,774		1,375,140	6,243,000	7,618,140
48	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	37,368,000	1,903,600		19,058,000	17,154,400
49	Trung tâm GDTX tỉnh	14,743,500		2,110,536	7,519,000	9,629,536
50	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	19,635,600		901,066	10,014,000	10,915,066
51	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	9,705,330		1,853,154	4,950,000	6,803,154
52	Trung tâm THHN-NNTH	11,691,900		420,411	5,963,000	6,383,411
53	Công ty CP sách & TBTH		443,091			-443,091
	Cộng	704,970,273	18,604,346	50,827,630	359,535,000	391,758,284

Ghi chú: Đối với Công ty CP Sách-THTB Hòa Bình do chưa nộp 2% KPCĐ năm 2021 nên lần cấp này CDGD Hòa Bình chưa cấp bù trừ số kinh phí cấp thừa của năm 2020 của đơn vị./.

Hoà Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Ngọc